

CHỦ ĐỀ 8: VĂN THUYẾT MINH

TUẦN 12

Tiết 45,46

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH

PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH

ĐỀ VĂN THUYẾT MINH VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN THUYẾT MINH

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC	NỘI DUNG GHI BÀI
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu Hs đọc ví dụ trang 114,115,116. Trả lời câu hỏi.	A. TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH I – VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA VĂN THUYẾT MINH: 1. Văn bản thuyết minh trong đời sống con người a) Cây dừa Bình Định - Trình bày lợi ích của cây dừa b) Tại sao lá cây có màu xanh lục - Giải thích về tác dụng của chất diệp lục làm cho người ta thấy lá cây có màu xanh c) Huế - Giới thiệu Huế là một trung tâm văn hóa, nghệ thuật lớn của Việt Nam ⇒ Văn bản thuyết minh nhằm cung cấp tri thức về hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, xã hội... 2. Đặc điểm chung của văn bản thuyết minh - Tính chất tri thức khách quan, xác thực, hữu ích. - Phương thức : trình bày, giải thích, giới thiệu. - Ngôn ngữ cô đọng, đơn nghĩa, chính xác. - Trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, hấp dẫn. * Ghi nhớ (SGK 117)
- HS đọc ghi nhớ	
Hs đọc ví dụ trang 126,127,128 Trả lời câu hỏi.	B. PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH I - TÌM HIỂU CÁC PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH 1. Quan sát, học tập, tích lũy tri thức để làm bài văn thuyết minh - Phải có tri thức về đối tượng.

- HS đọc ghi nhớ	- Nắm đặc trưng, bản chất của đối tượng . - Không được hư cấu, tưởng tượng, suy luận. * Ghi nhớ ý 1 . 2. Phương pháp thuyết minh. a) Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích. b) Phương pháp liệt kê. c) Phương pháp nêu ví dụ d) Phương pháp dùng số liệu e) Phương pháp so sánh: g) Phương pháp phân loại, phân tích. * Ghi nhớ: (Sgk/128) - Phối hợp các phương pháp để làm bài thuyết minh.
Hs đọc ví dụ trang 137,138,139 Trả lời câu hỏi. - HS đọc ghi nhớ	C. ĐỀ VĂN THUYẾT MINH VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN THUYẾT MINH I. Đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh 1. Đề văn thuyết minh - Nêu đối tượng để người làm bài trình bày tri thức về chúng. 2. Cách làm bài văn thuyết minh a) Tìm hiểu đề: - Đối tượng: chiếc xe đạp - Thể loại: Thuyết minh b) Xây dựng bố cục và nội dung - Mở bài: GT chiếc xe đạp (<i>GT đối tượng thuyết minh</i>) - Thân bài: Giải thích, trình bày chi tiết về chiếc xe đạp (<i>trình bày cấu tạo, đặc điểm, tác dụng của đối tượng</i>) - Kết bài: Tác dụng của chiếc xe đạp trong mọi thời đại (<i>bày tỏ thái độ với đối tượng</i>) c) Phần thân bài + Các bộ phận chính + các bộ phận phụ: chắn bùn, chắn xích, đèn. * Ghi nhớ: (Sgk/tr140)
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học - HS làm các BT trong SGK	D. LUYỆN TẬP Đề : Thuyết minh về chiếc nón lá Việt Nam. Gợi ý: a. Mở bài : Nón lá là một vật dùng quen thuộc của người phụ nữ Việt Nam . b. Thân bài :

	- Tác dụng của nón lá : + Nón dùng để che mưa, che nắng, rất tiện lợi trong cuộc sống. + Chiếc nón tôn thêm vẻ đẹp duyên dáng cho người phụ nữ. - Cấu tạo của nón : + Nón Bắc ngày xưa tròn phẳng như cái mâm, ngoài cùng có đường thành nhô cao. Sau này , nón được thay đổi hình dáng, có hình chóp nhọn và trở thành phổ biến. + Định hình của nón là khung nón gồm nhiều vành tre chuốt nhỏ, mỏng, rất dễ uốn. + Phủ bên ngoài khung là lớp lá nón , được làm bằng lá gồi, lá cọ, lá nồm... + Quai nón có tác dụng giữ cho nón được cân bằng và vững chắc. - Cách làm nón : + Chọn tre cật cỡ thật nhỏ, thật mượt ,kết thành nhiều vành lớn , nhỏ, khác nhau, cố định khung nón theo hình chóp nhọn. + Là nón được phơi khô, là phẳng, nhẹ và trắng nõn, xếp đều từng lớp một lên khung nón và khâu bằng những sợi móc, sợi dừa hoặc sợi cước trong suốt , mảnh mà chắc. Khâu nón bao giờ cũng khâu từ đỉnh trước rồi xuống vành nón. Đường khâu phải tỉ mỉ, kín đáo. + Lòng nón thường được trang trí hoa văn đẹp mắt , hoặc kết chỉ màu, hoặc thêu hình giữa hai lớp lá mỏng... + Việc cuối cùng là buộc quai nón . Quai thao của nón Bắc là một sợi dây dệt bằng tơ, hai đầu có tua thao mềm mại. Quai nón Huế , nón làng Chuông được làm bằng dải lụa màu. c. Kết bài : Nón lá là nét đẹp tinh tế mang bản sắc độc đáo của văn hóa Việt Nam , cần được giữ gìn và lưu truyền.
--	--

*** Dặn dò:**

- Các em nhớ ghi bài và hoàn thành các yêu cầu ở hoạt động 2 đầy đủ.
- Học thuộc phần ghi nhớ SGK.
- Chuẩn bị bài: Luyện nói : Thuyết minh về một thứ đồ dùng

Tiết 47,48

Tập làm văn

LUYỆN NÓI THUYẾT MINH VỀ MỘT THỨ ĐỒ DÙNG

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC	NỘI DUNG GHI BÀI
Hoạt động 1: Đọc phần I và thực hiện các yêu cầu: Đọc nội dung SGK/tr 144,145 Tham khảo luyện nói trên lớp Kính thưa... Hiện nay tuy nhiều gia đình khá giả đã có bình nóng lạnh, các loại phích điện nhưng đa số các vẫn sử dụng phích nước- một thứ đồ dùng tiện lợi và hữu ích. Cái phích dùng để chứa nước sôi (Nước sôi được chứa trong phích dùng để) pha trà cho người lớn, pha sữa cho trẻ nhỏ. Phích có cấu tạo rất đơn giản: vỏ phích có thể làm bằng nhựa, sắt..với đủ các màu: xanh, đỏ, trắng; ruột phích được làm bằng thủy tinh chia làm 2 lớp, ở giữa là lớp chân không. Phía trong lớp thủy tinh có tráng bạc nhằm hấp nhiệt trở lại để giữ nhiệt, đây là bộ phận quan trọng nhất của phích, lớp chân không làm mất khả năng truyền nhiệt ra ngoài. Miệng phích	I. Củng cố kiến thức II. Chuẩn bị bài ở nhà Đề bài:Thuyết minh về cái phích nước (bình thủy) 1. Yêu cầu: Cần trình bày: - Cấu tạo, nguyên lí giữ nhiệt. - Công dụng. - Cách bảo quản. 2. Quan sát và tìm hiểu. - Là thứ đồ dùng quen thuộc trong gia đình. - Cấu tạo: 2 bộ phận: Ruột phích và vỏ phích. + Vỏ phích: Vỏ, tay cầm, nắp thường làm bằng nhựa cứng hoặc nhôm. + Ruột phích: Gồm hai lớp thủy tinh, ở giữa là chân không, miệng bình nhỏ. Nguyên lí giữ nhiệt: Trong vòng 6 tiếng đồng hồ từ 100 độ còn giữ được 70 độ - Công dụng: Đựng nước và giữ nhiệt cho nước uống -> tiện lợi. - Cách bảo quản và sử dụng: + Để nơi cao, khô ráo xa tầm tay trẻ em. + Dùng vải mềm lau rửa, không đổ nước lạnh vào bình thủy khi còn nước nóng trong bình. 3. Lập dàn ý. - Phải đầy đủ bố cục: 3 phần. - Sử dụng các phương pháp thuyết minh đã học. III. Luyện nói trên lớp

nhỏ làm giảm khả năng thoát nhiệt nên có thể giữ nước nóng từ 100->70 độ C trong 6 tiếng. Giá một cái phích không đắt, khoảng từ 50.000 ->60.000đ, phù hợp với túi tiền của người lao động, nhất là người nông dân, nên từ lâu phích nước đã trở thành vật dụng quen thuộc trong nhiều gia đình người dân VN. Cách bảo quản: để phích vào khung, nơi ít người qua lại và xa tầm tay trẻ em, chú ý khi đổ nước vào phích nên cách miệng từ 3->5cm vừa đủ đầy nắp.	
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học HS chọn 1 đề tham khảo Bài viết số 3 trang 145 làm.	<u>IV. Luyện tập:</u> <u>Đề 1:</u> Giới thiệu cây bút bi hoặc bút máy. <u>Đề 2:</u> Giới thiệu chiếc áo dài Việt Nam.

*** Dặn dò:**

- Hoàn thành bài tập trên
- Chuẩn bị bài: Thuyết minh một thể loại văn học.

TUẦN 13:

Tiết 49

Tập làm văn

THUYẾT MINH MỘT THỂ LOẠI VĂN HỌC

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC	NỘI DUNG GHI BÀI
Hoạt động 1: Đọc phần I và thực hiện các yêu cầu: HS đọc mục (I) SGK/153,154	I- TỪ QUAN SÁT ĐẾN MÔ TẢ, THUYẾT MINH MỘT THỂ LOẠI VĂN HỌC: <u>Đề bài</u> : Thuyết minh đặc điểm thể thơ thất ngôn bát cú . 1. Quan sát: Bài thơ: + <i>Đập đá ở Côn Lôn</i> + <i>Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác</i> a. Mỗi bài 8 dòng, mỗi dòng 7 tiếng . b. Kí hiệu bằng trắc: + <i>Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác</i> T B b T t B b T T b B t T b T T b B b T t T B t T t B b T B b T b B t T B b B t T b B T t B b T t B B b T t B b c. Quan hệ bằng trắc: - Đối nhau: 1-2,3-4,5-6,7-8 - Niêm: 1-8,2-3,4-5,6-7. d. gieo vần : - Những tiếng cuối các câu: 1,2,4,6,8 - Vần bằng e. Nhịp điệu: 2-2-3; 4-3 2 .Lập dàn ý : a. Mở bài : - Thất ngôn bát cú đường luật là một thể thơ thông dụng trong các thể thơ Đường luật. - Các nhà thơ Việt Nam rất yêu chuộng thể thơ này. b. Thân bài : - Tám câu bảy chữ. - Luật bằng, trắc.

Hs đọc ghi nhớ.	- Cách gieo vần. - Đối, niêm. - Ngắt nhịp. c. Kết bài : - Có nhiều bài thơ hay thuộc thể thơ này (có kế thừa, sáng tạo) - Ngày nay thơ thất ngôn bát cú vẫn được ưa chuộng. * GHI NHỚ (SGK/154)
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học HS làm bài tập 1,2 SGK/154	II. Luyện tập

*** Dặn dò:**

- Học ghi nhớ
- Chuẩn bị bài: Tiết đọc sách (Đọc theo chủ điểm: Những người khơi nguồn tri thức)

Tiết 50

TIẾT ĐỌC SÁCH

(Đọc theo chủ đề: Những người khơi nguồn tri thức)

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC	NỘI DUNG GHI BÀI
Hoạt động 1: HS tìm đọc những quyển sách cùng chủ đề trên.	I. Tác phẩm theo chủ đề: “Những người khơi nguồn tri thức” HS nêu tên tác phẩm và tóm tắt tác phẩm.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ tác phẩm đã đọc.	II. Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ tác phẩm.

* Dặn dò:

- Các em nhớ ghi bài và hoàn thành các yêu cầu ở hoạt động 2 đầy đủ.
- Chuẩn bị bài: Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm

TUẦN 13

CHỦ ĐỀ 9: CÔNG DỤNG CỦA MỘT SỐ DẤU CÂU

Tiết 51

Tiếng Việt

DẤU NGOẶC ĐƠN VÀ DẤU HAI CHẤM

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC	NỘI DUNG GHI BÀI
Hoạt động 1: Đọc phần I,II và thực hiện các yêu cầu: HS đọc ví dụ 1,2 (Sgk tr134,135) HS trả lời câu hỏi	I. Dấu ngoặc đơn <u>Ví dụ :</u> (SGK/134) a. Giải thích để làm rõ “họ”. b. Thuyết minh về một loài động vật. c. Bổ sung về năm sinh, năm mất và tỉnh. * Ghi nhớ 1(SGK/134) II. Dấu hai chấm <u>Ví dụ :</u> (SGK/ 135) a. Đánh dấu lời đối thoại (Cửa Dế Mèn với Dế Choắt, của Dế Choắt với Dế Mèn) b. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp (Thép Mới dẫn lời người xưa) c. Đánh dấu phần giải thích lí do thay đổi tâm trạng của tác giả. * Ghi nhớ 2 (SGK/135)
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học Làm bài tập (Sgk tr 135,136,137)	III. Luyện tập <i>Bài 2/136</i> a, Báo trước phần giải thích b, Báo trước lời thoại c, Báo trước phần thuyết minh (đủ màu là những màu nào) <i>Bài 3/136</i> - Có thể bỏ dấu hai chấm, vì ý nghĩa cơ bản của câu, đoạn văn không thay đổi; nhưng nếu bỏ đi thì nghĩa của phần đặt sau dấu hai chấm không được nhấn mạnh - Nhằm mục đích giải thích, nhấn mạnh vì sao lại khẳng định tiếng Việt của chúng ta đẹp và hay.

	Bài 4/137 - C1: có thể thay được, khi thay thì ý nghĩa cơ bản của câu không bị thay đổi, nhưng người viết coi phần trong dấu ngoặc đơn chỉ có tác dụng kèm thêm chứ không thuộc nghĩa cơ bản. - C2: Không thể thay được, vì sau dấu hai chấm là thông tin cơ bản, không thể coi là phần phụ chú. Bài 5/137 - Sai, vì dấu ngoặc đơn bao giờ cũng dùng thành cặp (giống dấu ngoặc kép)->thêm một dấu ngoặc đơn. - Phần nằm trong dấu ngoặc đơn được coi là bộ phận của câu, gọi là phần phụ giải thích hoặc thuyết minh.
--	---

*** Dặn dò:**

- Các em nhớ ghi bài, và hoàn thành các yêu cầu ở hoạt động 2 đầy đủ.
- Chuẩn bị bài: **Dấu ngoặc kép**

DẤU NGOẶC KÉP

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC	NỘI DUNG GHI BÀI
Hoạt động 1: Đọc phần I và thực hiện các yêu cầu: HS đọc ví dụ 1 (Sgk tr142,143) HS trả lời câu hỏi	I- CÔNG DỤNG: <u>Ví dụ</u> (SGK/141,142) a. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp. b. đánh dấu từ hiểu theo nghĩa đặc biệt . c. đánh dấu từ ngữ có hàm ý mỉa mai. d. Đánh dấu tên các vở kịch. * Ghi nhớ (SGK/ 142)
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học Làm bài tập (Sgktr 142,143,144)	II. Luyện tập: <u>BT1:</u> a. Dẫn trực tiếp câu nói. b. Dùng hàm ý mỉa mai. c. Từ ngữ dẫn trực tiếp. d. Từ ngữ dẫn trực tiếp có ý mỉa mai. e. Từ ngữ dẫn trực tiếp. <u>BT2 :</u> <u>BT3 :</u> a. Dùng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép để đánh dấu lời dẫn trực tiếp , dẫn nguyên văn Hồ Chí Minh. b. Không dùng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép vì câu nói không dẫn nguyên văn. <u>BT4,5 tự làm</u>

*** Dặn dò:**

- Các em nhớ ghi bài, học bài và hoàn thành các yêu cầu ở hoạt động 2 đầy đủ.
- Chuẩn bị bài: **Chương trình địa phương (phần văn)**
